

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021
nguồn thu tiền sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 282-TB/TU ngày 03/12/2021 về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2770/SKHĐT-TH ngày 20/12/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2021 nguồn thu tiền sử dụng đất 608 tỷ đồng. Kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất của tỉnh năm 2021 sau điều chỉnh là 1.142 tỷ đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ kế hoạch vốn được điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các đơn vị đầu mối giao kế hoạch, các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển

khai nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định và thanh toán bảo đảm hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

2. Sở Tài chính căn cứ khả năng thu - chi của nguồn thu tiền sử dụng đất giao các địa phương, tham mưu, đề xuất theo quy định.

3. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại các quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của UBND tỉnh không được điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng đầu mối giao kế hoạch, Chủ đầu tư theo các phụ lục đính kèm và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P. N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHha522.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

Phụ lục 1

DIỄN CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

Nguồn vốn: Nguồn thu tiền sử dụng đất

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Mạng lưới thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đến hết năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Vốn đã nhập dự toán (TABMIS)	Điều chỉnh giảm kế hoạch từ nguồn thu SDB	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDB sau điều chỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư						
I	TỔNG CỘNG												
	Bổ trí thực hiện dự án khai thác quỹ đất tỉnh quản lý												
a	Dự án chuyên tiếp												
1	Khu dân cư Yên Phú	Số Tài nguyên - Môi trường	TP. Quảng Ngãi	65.885m ²	2011-2018	832/QĐ-UBND, 10/6/2011;	1.791.679	123.873	876.000	213.834	608.000	1.142.000	
							1.791.679	950.944	876.000	213.834	475.400	400.600	
								950.944	107.934	50.934	57.000	50.934	0
								71.167	5.000		5.000		0
2	Khu Tài định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Số Tài nguyên - Môi trường	Quảng Ngãi	7,5ha	2015-2018	312/QĐ-UBND, 29/02/2016	101.957	95.000	3.000		3.000		0
3	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	Số Tài nguyên - Môi trường	TP. Quảng Ngãi	3 ha	2017-2020	1416/QĐ-UBND 01/8/2017	40.000	21.000	4.000		4.000		0
4	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn km1027-km1045+780 và cây xanh tại nút giao thông dốc sỏi thuộc tuyến QL1A, tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án DTXD các công trình giao thông tỉnh	Bình Sơn, Sơn Tịnh	Đầu tư mới đường dây từ km1027-km1045+780 và các nút cây xanh	2017-2019	2150/QĐ-UBND 31/10/2016, 2288/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	64.500	44.500	-				0
5	Khu dân cư trục đường Bầu Giang - Cầu Mới	BQL dự án DTXD các công trình giao thông tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2.227m ²		932/QĐ-UBND, 20/6/2012; 1077/QĐ-UBND, 30/6/2015	641.777	429.777	40.934	20.934	20.000	20.934	Trong đó có 20.934 tỷ đồng hoàn trả ứng trước. Điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo QĐ 1500/QĐ-UBND ngày 24/07/2021

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đến hết năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Vốn đã nhập dự toán (TABMIS)	Điều chỉnh giảm kế hoạch từ nguồn thu SDD	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD sau điều chỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư						
6	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ Ngõ Sỹ Liên đến đường Hai Bà Trưng)	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	san nền 5,43ha và 876m đường	2016-2020	505/QĐ-UBND 31/3/2016, 1019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	220.204		-			0	
7	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	san nền 6,44ha	2016-2018	446/QĐ-UBND 24/3/2016	246.537	92.500	20.000		20.000	0	Điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo QĐ 1496/QĐ-UBND ngày 24/9/2021
8	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	Sở Tài nguyên - Môi trường	TP. Quảng Ngãi	74.911m ²	2017-2019	1652/QĐ-UBND 01/9/2017	167.000	117.000	28.000	23.000	5.000	23.000	Lũy kế bao gồm 85 tỷ đồng ứng trước
9	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	Sở Tài nguyên - Môi trường	Mộ Đức	19,97 ha	2017-2019	1973/QĐ-UBND, 29/9/2017	185.831	80.000	7.000	7.000		7.000	Lũy kế bao gồm 45 tỷ đồng ứng trước
b	Bổ sung bố trí cho các dự án đang đầu tư từ nguồn XDCB tập trung								768.066	162.900	418.400	349.666	
	Danh mục dự án chuyên tiếp								467.000	143.400	176.500	290.500	Phụ lục 1.1
	Danh mục dự án khởi công mới								301.066	19.500	241.900	59.166	Phụ lục 2.2
II	GIAO HUYỆN, THÀNH PHỐ THU - CHI								874.000	519.764	132.600	741.400	

Phụ lục 1.1
ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Nguồn thu tiền sử dụng đất
Danh mục dự án chuyển tiếp

(Kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số Quyết định		Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD	Vốn đã nhập dự toán (TABMIS)	Điều chỉnh giám kế hoạch từ nguồn thu SDD	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD sau điều chỉnh	Ghi chú
					Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương (NS tỉnh)	Tổng mức đầu tư						
	Tổng cộng													
1	BQL Giao thông Cầu Cửa Đại	BQL Dự án DTXD công trình Giao thông tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Tổng chiều dài 2,5km	468/QĐ-UBND, 20/3/2017	6.264.656	4.165.341	2.556.677	467.000	143.400	176.500	290.500		
						4.645.344	3.145.254	1.776.880	370.500	105.900	159.000	211.500		
						2.250.000	750.000	529.098	55.000		10.000	45.000		
2	Dường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tor - Minh Long - Sơn Hà), đoạn Km0 - Km22+336	BQL Dự án DTXD công trình Giao thông tỉnh	Ba Tor, Minh Long, Sơn Hà	Dường cấp VI miền núi; 22.336km	205/QĐ-UBND ngày 29/01/2011; 926/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	270.000	270.000	198.480	45.000	16.000	6.500	38.500		
3	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xã	BQL Dự án DTXD công trình Giao thông tỉnh	TP.QLN, Tư Nghĩa	8,99km	1923/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	135.000	135.000	65.000	10.000	10.000		10.000		
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến DT 623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2	BQL Dự án DTXD công trình Giao thông tỉnh	Tư Nghĩa, TP. Quảng Ngãi	Dường cấp IV đồng bằng, L=8,8km	2003/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	167.362	167.362	100.000	15.000		6.000	9.000		
5	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	BQL Dự án DTXD công trình Giao thông tỉnh	TP.QLN	Đập dài 893m, cầu giao thông dài 1,125m	1509/QĐ-UBND ngày 31/8/2018	1.498.000	1.498.000	690.000	200.500	69.900	130.500	70.000		

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD	Vốn đã nhập dự toán (TABMIS)	Điều chỉnh giảm kế hoạch từ nguồn thu SDD	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương (NS tỉnh)						
6	Cầu Sông Rìn	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Sơn Hà	3,5km. cầu dài 319m	1680/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	245.000	245.000	160.802	30.000	5.000	6.000	24.000	
7	Kênh tiêu, thoát nước Từ Ty (đoạn qua Phường Quảng Phú)	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	TPQN	3.000m	1890/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	79.982	79.892	33.500	15.000	5.000		15.000	
8	BQL KKT Dung Quất Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Bình Sơn	500m	1979/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	278.000	278.000	224.500	2.000	-	2.000	2.000	0
9	Khu dân cư Hải Nam	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Bình Sơn		1603/QĐ-UBND. 30/10/2014	61.078	16.078	46.000	3.000	2.000	1.000	2.000	
10	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Bình Sơn	9,6km	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712		56.860	5.000	500		5.000	Vướng mắc BT, GPMB kéo dài, lụy kế vốn TW đã bố trí đến nay là 277,5 tỷ đồng
11	BQL Dân dụng và Công nghiệp Bệnh viện y học cổ truyền	BQL DA ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	TPQN		Số 1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	126.000	126.000	81.737	4.500		4.500	0	
						176.000	156.000	114.737	6.000	1.500	4.500	1.500	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD	Vốn đã nhập dự toán (TABMIS)	Điều chỉnh giảm kế hoạch từ nguồn thu SDD	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD sau điều chỉnh	Ghi chú	
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư							
12	Trung tâm nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	BQL DA DT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	TP. QN		Số 1867/QĐ-UBND ngày 26/10/2020; Số 1541/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	50.000	30.000	33.000	1.500	1.500	10.000	1.500	
13	UBND các huyện, thị xã, Thành phố Cầu An Phú qua sông Phú Thọ	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	372m	1192/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	169.000	135.200	102.500	10.000	1.000	5.000	5.000	
14	Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐD105)	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	0,9km	1957/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	57.000	50.000	33.500	5.000			5.000	
15	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	14km	1864/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	55.000	55.000	22.300	15.000	5.000		10.000	
16	Tuyến N9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tinh mới	UBND huyện Sơn Tinh	Sơn Tinh	1,6km	1921/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	82.000	49.200	24.400	5.000			5.000	
17	Tuyến D9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tinh mới	UBND huyện Sơn Tinh	Sơn Tinh	1,04km	1984/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	100.913	80.000	30.500	10.000	7.000		10.000	
18	Đường tránh đông huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	L=2km	1925/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	80.000	48.000	29.000	14.500	10.000		14.500	
19	Đường Ba Chùa - Hành Tín Đông	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư	14,2km	1926/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	112.709	112.709	59.000	20.000	15.000		20.000	
20	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (mặt 24)	UBND thị xã Đức Phổ	Đức Phổ		2136/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.900	39.900	36.500	1.000	500		1.000	

PHỤ LỤC 1.2
ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Nguồn thu tiền sử dụng đất

Danh mục dự án khởi công mới năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 47/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Số Quyết định	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDB	Vốn đã nhập dự toán (TABMIS)	Điều chỉnh giảm kế hoạch từ nguồn thu SDB	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDB sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương (NS tỉnh)	Tổng mức đầu tư						
	Tổng số			1.905.057	1.895.057	37.111	301.066	19.500	241.900	59.166		
I	Bố trí các dự án đầu tư tính theo đối kế hoạch			1.044.057	1.044.057	37.111	136.066	-	129.400	6.666		
1	Dường nối từ cầu Thạch Bích đến Tỉnh Phong	BQL Dự án DTXD công trình Giao thông tỉnh	1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	694.057	694.057	35.500	96.066		89.400	6.666		
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Vạn Tường	UBND huyện Bình Sơn	656/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	350.000	350.000	1.611	40.000		40.000	-		
II	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các địa phương thực hiện			861.000	851.000	-	165.000	19.500	112.500	52.500		
3	Kè từ cầu sông Rìn đến trường phổ thông DTNT THCS Sơn Hà	UBND huyện Sơn Hà	2106/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	30.000	30.000		5.000	2.500	2.500	2.500		
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tập trung tại xã Sơn Long, huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	2112/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	29.000	29.000		5.000	2.500		5.000		
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	2113/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	37.000	37.000		5.000			5.000		

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH đến KH 2020	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD	Điều chỉnh giảm kế hoạch từ nguồn thu SDD	Kế hoạch 2021 nguồn thu SDD sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương (NS tỉnh)					
6	Cầu vượt Lũ suối nước Léch	UBND huyện Ba Tơ	3644/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	40.000	40.000		5.000	5.000		
7	Đường thị trấn Ba Tơ đi Nước Đàng	UBND huyện Ba Tơ	3666/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	35.000	35.000		5.000	5.000		
8	Khắc phục các tuyến đường giao thông Trà Phong đi Trà Thanh, Trà Phong đi Trà Xinh, huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	4921/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	50.000	50.000		10.000	10.000		
9	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Lỗ Thùng, xã Đức Phú	UBND huyện Mộ Đức	4992/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	35.000	35.000		15.000	5.000		
10	Kè chống sạt lở bờ Nam sông Vệ, thôn Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp	UBND huyện Mộ Đức		40.000	30.000		-	0		
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư gò tranh giữa, xã Long Sơn, huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long		39.000	39.000		-	0		
12	Đường Long Môn đi Sơn Cao, Sơn Hà	UBND huyện Minh Long	1761/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	40.000	40.000		15.000	15.000		
13	Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành	228/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	194.000	194.000		50.000	50.000		
14	Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa	UBND huyện Tư Nghĩa	2516/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	292.000	292.000		50.000	50.000		